

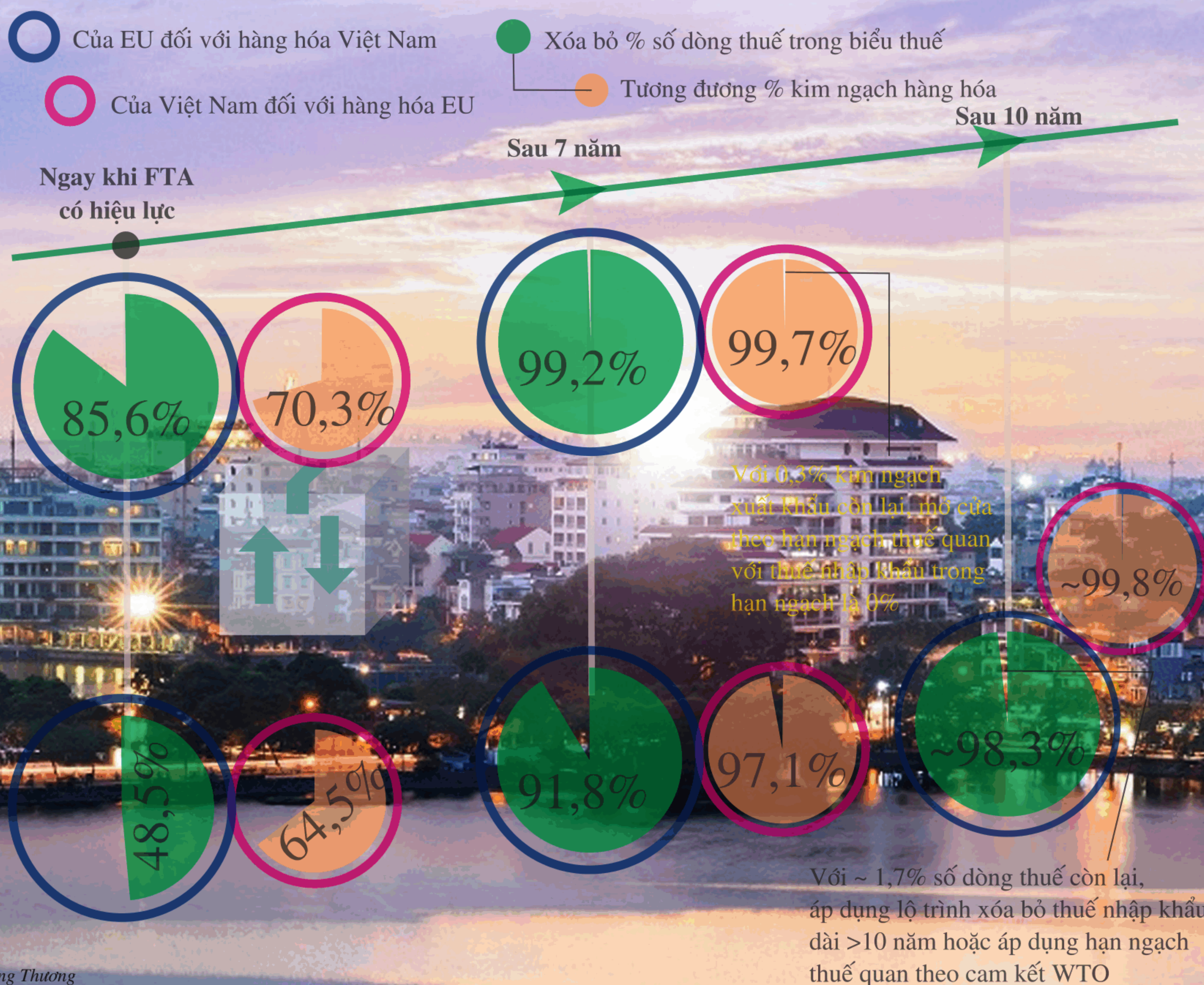


ISSN 1859-3666

# Tạp chí KHOA HỌC THƯƠNG MẠI

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

## Lộ trình thực hiện EVFTA giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu



**Năm thứ 18 - số 132**  
**8/2019**



# khoa học thương mại

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI  
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## TỔNG BIÊN TẬP:

**NGUYỄN BÁCH KHOA**

## PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

**ĐINH VĂN SƠN**

## THƯ KÝ TÒA SOẠN

**PHẠM MINH ĐẠT**

## TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ

**NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG**

### Tòa soạn

Phòng 202 nhà T

Trường Đại học Thương mại

Số 79 đường Hồ Tùng Mậu

Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

**Điện thoại:** 04.37643219 máy lẻ 2102

**Fax:** 04.37643228

**Email:** tckhtm@tmu.edu.vn

**Website:** tckhtm.tmu.edu.vn

**GP hoạt động báo chí:**

Số 1480/GP-BTTTT ngày 20/8/2012

**Chế bản tại:** Tòa soạn

Tạp chí Khoa học Thương mại

**In tại:** Cty TNHH In & TM Hải Nam

**Nộp lưu chiểu:** 8/2019

## HỘI ĐỒNG KHOA HỌC BIÊN TẬP

**Đinh Văn Sơn** - Đại học Thương mại (Chủ tịch)

**Phạm Vũ Luận** - Đại học Thương mại (Phó Chủ tịch)

**Nguyễn Bách Khoa** - Đại học Thương mại (Phó chủ tịch)

**Phạm Minh Đạt** - Đại học Thương mại (Ủy viên thư ký)

### Các ủy viên

- **Vũ Thành Tự Anh** - ĐH Fulbright Việt Nam (Hoa Kỳ)

- **Lê Xuân Bá** - Viện QLKT TW

- **Hervé B. Boismery** - Đại học Reunion (Pháp)

- **H. Eric Boutin** - Đại học Toulon Var (Pháp)

- **Nguyễn Thị Doan** - Hội Khuyến học Việt Nam

- **Haasis Hans** - Đại học Bremenr (Đức)

- **Lê Quốc Hội** - Đại học Kinh tế quốc dân

- **Nguyễn Thị Bích Loan** - Đại học Thương mại

- **Nguyễn Hoàng Long** - Đại học Thương mại

- **Nguyễn Mai** - Chuyên gia kinh tế độc lập

- **Dương Thị Bình Minh** - ĐH Kinh tế Tp Hồ Chí Minh

- **Hee Cheon Moon** - Hội Nghiên cứu TM Hàn Quốc

- **Bùi Xuân Nhàn** - Đại học Thương mại

- **Lương Xuân Quỳ** - Hội Khoa học kinh tế Việt Nam

- **Nguyễn Văn Song** - Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- **Nguyễn Thanh Tâm** - Đại học California (Hoa Kỳ)

- **Trương Bá Thanh** - ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

- **Đinh Văn Thành** - Viện Nghiên cứu thương mại

- **Đỗ Minh Thành** - Đại học Thương mại

- **Lê Đình Thắng** - Đại học Québec (Canada)

- **Trần Đình Thiên** - Viện Kinh tế Việt Nam

- **Nguyễn Quang Thuấn** - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

- **Washio Tomoharu** - ĐH Kwansey Gakuin (Nhật Bản)

- **Lê Như Tuyền** - Grenoble École de Managment (Pháp)

- **Zhang Yujie** - Đại học Tsinghua (Trung Quốc)

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Phạm Minh Đạt, Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Minh Tuấn** - Phân tích năng lực kinh doanh thương mại của đơn vị sản xuất - kinh doanh nông phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên. **Mã số: 132.ISMET.11** 2  
*Analyzing Business Capacity of Agricultural Production and Trading Units in Dien Bien Province*
- 2. Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt và Lê Trâm Anh** - Thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: thực trạng và một số khuyến nghị. **Mã số: 132. ITrEM.11** 14  
*Attracting and Using Foreign Investments in Vietnam: Reality and Proposals*
- 3. Nguyễn Phúc Hiền, Hoàng Thanh Hà** – Tác động của kiều hối đến tăng trưởng GDP của Việt Nam. **Mã số: 132.IIEM.11** 24  
*Impacts of Remittance on Vietnam's GDP Growth*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Lê Xuân Thái và Trương Đông Lộc** – Ảnh hưởng của mức độ minh bạch và công bố thông tin đến hiệu quả tài chính của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. **Mã số: 132.2Fiba.21** 30  
*Impacts of Information Transparency and Publication on Financial Efficiency of Listed Companies in Vietnam Stock Market*
- 5. Đặng Thị Thu Trang và Trương Thị Hiếu Hạnh** – Ảnh hưởng của tích hợp kênh lên ý định mua lặp lại của người tiêu dùng trong bán lẻ chéo kênh: trường hợp nghiên cứu cho ngành hàng thời trang tại Đà Nẵng. **Mã số: 132.2BMkt.21** 41  
*Impact of Channel Integration on Repeated Buying Intention of Consumer in Cross-Channel Retailing: Case Study of Fashion in Danang City*

### Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 6. Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quang Hà và Mai Lan Phương** – Nghiên cứu hiện trạng phân bổ đất nông nghiệp tại tỉnh Bắc Giang. **Mã số: 132.3OMIs.32** 51  
*Study on Situation of Agricultural Land Allotment in Bắc Giang Province*
- 7. Phan Hồng Mai, Nguyễn Thị Ngọc Dung và Nguyễn Quỳnh Mai** – Bất cân xứng thông tin trong đào tạo đại học tại Việt Nam. **Mã số: 132.3OMIs.31** 61  
*Information Asymmetry in Tertiary Education in Vietnam*

## NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG PHÂN BỐ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI TỈNH BẮC GIANG

**Nguyễn Thị Dung**

Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang  
Email: nguyenthidungkkt81@gmail.com

**Nguyễn Quang Hà**

Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang  
Email: hanq@bafu.edu.vn

**Mai Lan Phương**

Học viện Nông nghiệp Việt Nam  
Email: mlphuong611@gmail.com

Ngày nhận: 29/07/2019

Ngày nhận lại: 21/08/2019

Ngày duyệt đăng: 23/08/2019

**B**ài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả cho thấy hiện trạng phân bố đất nông nghiệp tỉnh Bắc Giang theo các vùng, theo loại hình sử dụng, theo chủ thể giai đoạn 2011-2016. Bên cạnh đó, bài viết đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp với hiện trạng phân bố trên. Cuối cùng, bài viết đề xuất các giải pháp đối với tình cũng như chủ thể sử dụng đất nhằm điều chỉnh phân bố, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp như: Tiếp tục thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; Quy hoạch xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất; Khuyến khích các hộ gia đình, doanh nghiệp liên kết bền vững trong việc tiêu thụ sản phẩm; Cho vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Các chủ thể sử dụng đất cần: Tận dụng chính sách trong ứng dụng công nghệ cao; Ứng dụng máy móc phù hợp với quy mô đất đai; Hợp tác sản xuất với các hộ khác phát triển sản xuất hàng hóa lớn; Tạo mối liên kết bền vững với doanh nghiệp trong tiêu thụ; Học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến; Tận dụng thế mạnh sản xuất nông nghiệp.

**Từ khóa:** đất nông nghiệp, phân bố đất nông nghiệp, nông nghiệp Bắc Giang.

### 1. Đặt vấn đề

Phân bố đất nông nghiệp là kết quả của quá trình phân chia, phân chia lại và điều chỉnh đất nông nghiệp qua các thời kỳ hình thành nên cơ cấu đất nông nghiệp theo quy mô đất nông nghiệp, theo vùng kinh tế, theo chủ thể sử dụng và loại hình sử dụng (Harriet Kasidi Mugeru, 2015, Huaizhou SHI, 2014 và Ulle Endriss, 2006). Phân bố đất nông nghiệp có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế xã hội nói chung (Lê Sỹ Hải, 2017). Phân bố đất nông nghiệp hợp lý góp phần ổn định sinh kế đối với người sử dụng, đảm bảo an ninh lương thực, tăng sản lượng cây trồng (Pamela Rodney, 2007).

Ở Việt Nam, chính sách đất đai được Chính Phủ quan tâm sửa đổi điều chỉnh nhằm thực hiện phân bố đất nông nghiệp hợp lý, hiệu quả góp phần đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân nông thôn. Cụ thể là: Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993 và Luật Đất đai sửa đổi và bổ sung năm 1998, tiếp đó là Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 64/CP năm 1993 của Chính Phủ, Nghị định 02/CP năm 1994 về quy định trong phân bố đất rừng và đất nông nghiệp, Luật Đất đai 2013.

Bắc Giang là tỉnh thuộc vùng Đông Bắc được chia làm hai tiểu vùng là miền núi và trung du. Năm 2015, diện tích đất nông nghiệp của tỉnh 302.404,59

ha chiếm 77,63% tổng diện tích đất tự nhiên (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, 2016). Dân số nông thôn là 1.455.228 người chiếm 88,67% dân số toàn tỉnh (Cục thống kê Bắc Giang, 2016). Chính vì vậy, phân bố đất nông nghiệp đảm bảo tính công bằng và hiệu quả có ý nghĩa quan trọng trong tái cơ cấu phát triển nông nghiệp của tỉnh. Bài báo tập trung mô tả hiện trạng phân bố đất nông nghiệp theo vùng, theo chủ thể sử dụng, theo loại hình sử dụng. Qua đó, tập trung đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp từ hiện trạng cho phân bố đất nông nghiệp tỉnh Bắc Giang nói trên.

### 2. Cơ sở lý luận

#### 2.1. Khái niệm về phân bố đất nông nghiệp

Theo Harriet Kasidi Muger (2015) và Huaizhou SHI (2014) phân bố đất nông nghiệp là quá trình thay đổi cơ cấu đất nông nghiệp trong một hệ thống bao gồm: Sự phân chia đất nông nghiệp, chủ sở hữu quyền sử dụng đất, khả năng sử dụng đất, quy mô đất nông nghiệp, quản lý đất nông nghiệp, mục đích sử dụng đất, phạm vi phân bố đất nông nghiệp trong các vùng...

Theo Ullé Endriss (2006) phân bố đất nông nghiệp là kết quả của một quá trình thực hiện nhằm hình thành nên cơ cấu đất nông nghiệp theo quy mô đất nông nghiệp theo vùng kinh tế.

Tựu chung lại, phân bố đất nông nghiệp (agricultural land distribution) có thể được định nghĩa như sau:

- Phân bố đất nông nghiệp như là một quá trình điều chỉnh, phân chia lại đất nông nghiệp, làm thay đổi hiện trạng cơ cấu đất nông nghiệp.

- Kết quả của phân bố đất nông nghiệp là hiện trạng phân chia quy mô diện tích đất nông nghiệp theo mục đích sử dụng, theo các vùng, theo chủ thể sử dụng đất. Trong đó, phân chia quy mô diện tích đất nông nghiệp theo chủ thể sử dụng luôn có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội.

#### 2.2. Vai trò của phân bố đất nông nghiệp

Phân bố đất nông nghiệp có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp nói riêng và phát triển

kinh tế xã hội nói chung. Thứ nhất, phân bố đất nông nghiệp góp phần thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, nhà ở và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (Lê Sỹ Hải, 2017). Thứ hai, phân bố đất nông nghiệp hợp lý có vai trò ổn định sinh kế đối với người sử dụng, đảm bảo an ninh lương thực, tăng sản lượng cây trồng và cải thiện dinh dưỡng cho người nghèo ở nông thôn (Pamela Rodney, 2007). Vai trò thứ ba của phân bố đất nông nghiệp liên quan đến hiệu quả kinh tế sử dụng đất, tăng khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp làm tăng hiệu quả kinh tế sử dụng đất (FAO, 2003). Công bằng xã hội là vai trò quan trọng cuối cùng của phân bố đất nông nghiệp. Đất đai không chỉ đơn thuần là tư liệu sản xuất đối với nông dân, mà nó còn là tài sản có ý nghĩa về mặt xã hội, tinh thần tạo cảm giác yên tâm khi có quyền sử dụng nó (Julian Lamont và Christi Favor, 2017).

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả, với nguồn số liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang giai đoạn 2005- 2015 trong phân tích phân bố đất nông nghiệp theo vùng, chủ thể và loại hình sử dụng. Bên cạnh đó, tác giả sử dụng số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011- 2016 để cho thấy hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp với hiện trạng phân bố trên.

### 4. Kết quả và thảo luận

#### 4.1. Hiện trạng phân bố đất nông nghiệp tỉnh Bắc Giang

##### 4.1.1. Biến động đất nông nghiệp theo vùng

Địa hình Bắc Giang được chia ra làm hai vùng trung du và miền núi. Trong đó, miền núi chia ra làm hai vùng: vùng núi thấp và vùng núi có núi cao. Kết quả điều tra của Tổng cục quản lý đất đai giai đoạn 2005 - 2010 chỉ ra rằng vùng trung du tỉnh Bắc Giang (gồm các huyện và thành phố: Thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên, huyện Hiệp Hòa) có tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp ít hơn so với miền núi thấp (gồm các huyện: Huyện Tân Yên, huyện Yên Dũng, huyện Lạng Giang) và vùng núi có cao (gồm các

**Bảng 1:** Diện tích đất nông nghiệp Bắc Giang theo vùng giai đoạn 2005 - 2015  
(Tính đến ngày 01/01 hàng năm)

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2015		So sánh (%)		
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	10/05	15/10	BQ
<b>Vùng trung du</b>	<b>25.056,49</b>	<b>9,73</b>	<b>24.750,29</b>	<b>9,07</b>	<b>30.928,61</b>	<b>10,23</b>	<b>98,78</b>	<b>124,96</b>	<b>111,10</b>
TP Bắc Giang	1.492,28	5,96	1.421,94	5,75	3.834,33	12,40	95,29	269,65	160,29
Huyện Việt Yên	11.117,18	44,37	10.978,60	44,36	11.990,07	38,77	98,75	109,21	103,85
Huyện Hiệp Hòa	12.447,03	49,68	12.349,75	49,90	15.104,21	48,84	99,22	122,30	110,16
<b>Vùng miền núi</b>	<b>232.448,08</b>	<b>90,27</b>	<b>248.163,02</b>	<b>90,93</b>	<b>271.475,98</b>	<b>89,77</b>	<b>106,76</b>	<b>109,39</b>	<b>108,07</b>
<i>Vùng núi thấp</i>	<i>42.088,43</i>	<i>18,11</i>	<i>43.465,36</i>	<i>17,51</i>	<i>48.088,64</i>	<i>17,71</i>	<i>103,27</i>	<i>110,64</i>	<i>106,89</i>
Huyện Tân Yên	12.982,53	30,85	12.911,47	29,71	16.160,90	33,61	99,45	125,17	111,57
Huyện Yên Dũng	13.297,57	31,59	14.269,05	32,83	13.435,28	27,94	107,31	94,16	100,52
Huyện Lạng Giang	15.808,33	37,56	16.284,84	37,47	18.492,46	38,45	103,01	113,56	108,16
<i>Vùng núi có núi cao</i>	<i>190.359,65</i>	<i>81,89</i>	<i>204.697,66</i>	<i>82,49</i>	<i>223.387,34</i>	<i>82,29</i>	<i>107,53</i>	<i>109,13</i>	<i>108,33</i>
Huyện Sơn Động	58.904,62	30,94	66.688,63	32,58	72.445,00	32,43	113,21	108,63	110,90
Huyện Lục Ngạn	60.871,59	31,98	66.012,32	32,25	71.862,62	32,17	108,45	108,86	108,65
Huyện Lục Nam	46.617,72	24,49	47.463,59	23,19	53.174,80	23,80	101,81	112,03	106,80
Huyện Yên Thế	23.965,72	12,59	24.533,12	11,99	25.904,92	11,60	102,37	105,59	103,97
<b>Tổng diện tích đất nông nghiệp</b>	<b>257.504,57</b>	<b>100,00</b>	<b>272.913,31</b>	<b>100,00</b>	<b>302.404,59</b>	<b>100,00</b>	<b>105,98</b>	<b>110,81</b>	<b>108,37</b>

*Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang*

huyện: Huyện Sơn Động, huyện Lục Ngạn, huyện Lục Nam và huyện Yên Thế).

Kết quả phân bố đất nông nghiệp tỉnh Bắc Giang theo vùng giai đoạn 2005 - 2015 chỉ ra rằng: vùng miền núi có diện tích đất nông nghiệp chiếm khoảng 90% tổng diện tích đất nông nghiệp của toàn tỉnh. Trong vùng núi, diện tích đất nông nghiệp vùng núi có núi cao có diện tích chiếm trên 80% tổng diện tích đất nông nghiệp miền núi.

Giai đoạn 2005- 2015, đất nông nghiệp của tỉnh nói chung và các vùng nói riêng có sự dao động lên xuống nhưng về cơ bản diện tích đất này có xu hướng biến động tăng. Bình quân diện tích đất nông nghiệp tăng 8,37%. Trong đó, đất nông nghiệp vùng trung du tăng 11,1%, diện tích vùng miền núi tăng 8,07% (Bảng 1).

Nguyên nhân của những biến động về phân bố đất nông nghiệp theo vùng là do chính sách quy hoạch sử dụng đất phát triển khu công nghiệp, đô thị như Thái Đào, Đình Trì thuộc huyện Lạng Giang, Tân Mỹ thuộc huyện Yên Dũng chuyển về thành phố Bắc Giang là nguyên nhân biến động đất nông nghiệp giữa các vùng. Bên cạnh đó, là nhu cầu chuyển đổi loại hình sử dụng đất, đo đạc bản đồ địa chính và sự xuất hiện của các giao dịch mua bán quyền sử dụng đất, cho thuê đất nông nghiệp...

#### *4.1.2. Biến động đất nông nghiệp theo loại hình sử dụng*

Phân bố đất nông nghiệp theo loại hình cho thấy diện tích đất sản xuất nông nghiệp, diện tích đất lâm nghiệp và diện tích đất nuôi trồng thủy sản có xu hướng tăng. Trong đó, diện tích đất nuôi trồng thủy

## Ý KIẾN TRAO ĐỔI

sản tăng nhiều nhất, bình quân cả giai đoạn tăng 39,30%, năm 2005 là 4.226,58 ha, đến năm 2015 tăng 8.201,75 ha. Ngược lại, diện tích đất nông nghiệp khác có xu hướng giảm.

Bên cạnh đó, có sự chuyển dịch đất đai trong nội bộ đất sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ diện tích đất trồng cây lâu năm tăng qua các năm, năm 2005 chiếm 37,10%, năm 2010 chiếm 38,32%, năm 2015 chiếm 42,30%. Mặc dù, tỷ lệ diện tích đất trồng cây hàng

đất rừng sản xuất tăng nhiều hơn nên diện tích đất lâm nghiệp tăng bình quân là 30,86% (Bảng 2).

Có thể nói, nguyên nhân sự phân bố đất nông nghiệp nói trên là do sự chuyển dịch các loại hình đất đai, sự thay đổi nhu cầu của người dân về sản phẩm nông nghiệp và nhu cầu chuyển đổi loại hình sử dụng đất của người dân, cùng với chính sách cho phép chuyển đổi loại hình sử dụng và các chính sách quy hoạch phát triển khu công nghiệp, đô thị hóa

**Bảng 2:** Diện tích đất nông nghiệp Bắc Giang theo loại hình sử dụng  
Giai đoạn 2005 - 2015 (Tính đến ngày 01/01 hàng năm)

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2015		So s.Ænh (%)		
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	10/05	15/10	BQ
<b>Tổng diện tích đất nông nghiệp</b>	<b>257.504,57</b>	<b>100,00</b>	<b>272.913,31</b>	<b>100,00</b>	<b>302.404,59</b>	<b>100,00</b>	<b>105,98</b>	<b>110,81</b>	<b>108,37</b>
<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	<b>123.973,00</b>	<b>48,14</b>	<b>126.982,82</b>	<b>46,53</b>	<b>148.037,18</b>	<b>48,95</b>	<b>102,43</b>	<b>116,58</b>	<b>109,28</b>
Đất trồng cây hàng năm	77.984,82	62,90	78.316,92	61,68	85.438,77	57,71	100,43	109,09	104,67
Đất trồng cây lâu năm	45.988,18	37,10	48.665,90	38,32	62.598,41	42,29	105,82	128,63	116,67
<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>129.164,53</b>	<b>50,16</b>	<b>140.192,44</b>	<b>51,37</b>	<b>146.026,68</b>	<b>48,29</b>	<b>108,54</b>	<b>104,16</b>	<b>106,33</b>
Đất rừng sản xuất	64.393,08	49,85	105.926,89	75,56	110.269,87	75,51	164,50	104,10	130,86
Đất rừng phòng hộ	49.953,21	38,67	20.492,17	14,62	22.569,08	15,46	41,02	110,14	67,22
Đất rừng đặc dụng	14.818,24	11,47	13.773,38	9,82	13.187,73	9,03	92,95	95,75	94,34
<b>Đất nuôi trồng thủy sản</b>	<b>4.226,58</b>	<b>1,64</b>	<b>5.553,17</b>	<b>2,03</b>	<b>8.201,75</b>	<b>2,71</b>	<b>131,39</b>	<b>147,69</b>	<b>139,30</b>
<b>Đất nông nghiệp khác</b>	<b>140,46</b>	<b>0,05</b>	<b>184,88</b>	<b>0,24</b>	<b>138,98</b>	<b>0,05</b>	<b>131,62</b>	<b>75,17</b>	<b>99,47</b>

Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang

năm có xu hướng giảm trong giai đoạn 2005- 2015 năm 2005 chiếm 62,90%, năm 2010, có tỷ lệ lần lượt 61,68%, 57,70%. Nhưng về cơ bản diện tích đất trồng cây hàng năm vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

Đối với đất lâm nghiệp, giai đoạn 2005-2015 đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng trong đất lâm nghiệp giảm lần lượt 32,8% và 5,66%. Ngược lại,

của tỉnh như: Quyết định số 132/QĐ-UBND về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Lạng Giang, quyết định số 146/QĐ-UBND về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Lục Ngạn, quyết định số 147/QĐ-UBND về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến

năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Việt Yên..., các quyết định quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011- 2015) và kế hoạch sử dụng đất năm 2015 và điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 2016 như: Quyết định 362/QĐ-UBND về điều chỉnh, bổ sung khoảng 66,0 ha đất (trong đó có 62,3 ha đất lúa, 3,7 ha đất khác), Quyết định số 360/QĐ-UBND về điều chỉnh, bổ sung khoảng 6,5 ha (trong đó có 3,5 ha đất lúa; 3,0 ha đất khác sang đất giao thông tại xã Thái Đào để thực hiện dự án xây dựng cầu Đồng Sơn và đường lên cầu theo hình thức BT và bổ sung 0,7 ha đất nông nghiệp khác tại thôn Tân Sơn, xã Tân Đình để thực hiện dự án: Xây dựng cửa hàng xăng dầu Thành Đô tại huyện Lạng Giang, Quyết định 413/QĐ-UBND về điều chỉnh bổ sung 76,0 ha diện tích đất (Trong đó có: Đất trồng lúa và cây hàng năm khác: 43,6 ha; Đất trồng cây lâu năm: 6,7 ha;

Đất nuôi trồng thủy sản: 25,0 ha) chuyển sang đất công trình năng lượng để thực hiện dự án, xây dựng Nhà máy nhiệt điện An Khánh - Bắc Giang tại thôn Dăm, xã Vũ Xá, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nghị quyết số 40/NQ-CP về của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Bắc Giang phương án quy hoạch.

Cùng với sự thay đổi chính sách đất đai của Chính phủ như: Luật đất đai năm 1993, 2003, 2013, Nghị quyết số 19/NQ-CP về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011- 2015) tỉnh Bắc Giang.

### 4.1.3. Biến động đất nông nghiệp theo chủ thể

Phân đất nông nghiệp cho thấy hộ gia đình, cá nhân là đối tượng chủ yếu sử dụng đất nông nghiệp. Trong giai đoạn 2005- 2015, diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân sử dụng có xu hướng tăng và chiếm tỷ lệ khá cao trong

**Bảng 3:** Diện tích đất nông nghiệp Bắc Giang theo chủ thể quản lý và sử dụng giai đoạn 2005 - 2015

Chi tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2015		So sánh (%)		
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	2010/2005	2015/2010	BQ
<b>Tổng diện tích đất nông nghiệp</b>	<b>257.504,57</b>	<b>100,00</b>	<b>272.913,31</b>	<b>100,00</b>	<b>302.404,59</b>	<b>100,00</b>	<b>105,98</b>	<b>110,81</b>	<b>108,37</b>
<b>I. Hộ gia đình, cá nhân</b>	<b>178.484,00</b>	<b>69,31</b>	<b>199.279,77</b>	<b>73,02</b>	<b>257.275,60</b>	<b>85,08</b>	<b>111,65</b>	<b>129,10</b>	<b>120,06</b>
<b>II. Các tổ chức</b>	<b>79.014,17</b>	<b>44,27</b>	<b>72.319,28</b>	<b>26,50</b>	<b>45.078,70</b>	<b>14,90</b>	<b>91,53</b>	<b>62,33</b>	<b>75,53</b>
1. Các tổ chức kinh tế	39.262,41	49,69	35.066,70	48,49	12.957,80	28,74	89,31	36,95	57,45
2. Các tổ chức khác	39.751,76	50,31	37.252,58	51,51	32.120,90	71,26	93,71	86,22	89,89
<b>III. Đất cộng đồng dân cư sinh sống</b>	<b>6,40</b>	<b>0,00</b>	<b>1.314,26</b>	<b>0,48</b>	<b>50,29</b>	<b>0,02</b>	<b>20.535,31</b>	<b>3,83</b>	<b>280,32</b>

Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang



## Ý KIẾN TRAO ĐỔI

tổng diện tích đất nông nghiệp. Năm 2005 chiếm 69,31% ứng với 178.484,00 ha, năm 2010 chiếm tỷ lệ 73,02% ứng với 199.279,77 ha, năm 2015 tăng lên 85,08% ứng với 257.275,60 ha. Bình quân diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân sử dụng tăng 20,06% giai đoạn 2005 - 2015 (Bảng 3).

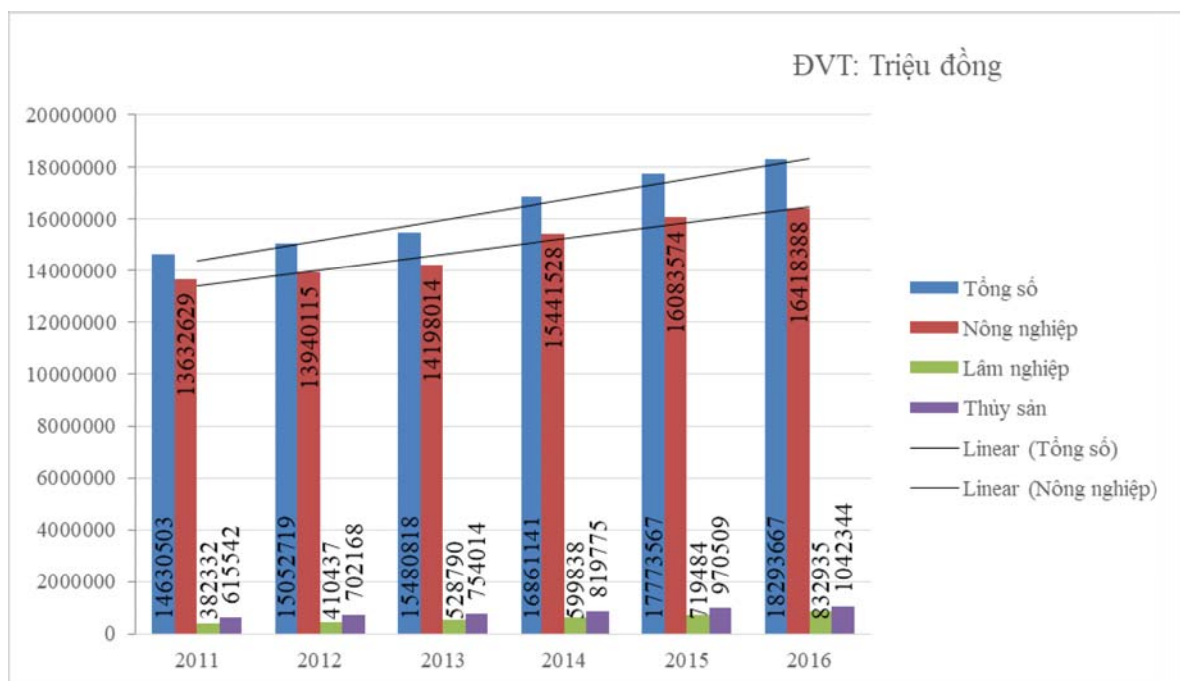
Ngược với đất hộ gia đình, cá nhân sử dụng diện tích đất của các tổ chức có xu hướng giảm. Bình quân giai đoạn 2005 - 2015 giảm 24,47%. Nguyên nhân đất của tổ chức giảm là do diện tích đất của các tổ chức kinh tế bình quân giai đoạn 2005 - 2015 giảm 42,55%. Năm 2005 có diện tích 39.262,41 ha, năm 2015 giảm xuống còn 12.957,80 ha. Diện tích các tổ chức khác (gồm: cơ quan đơn vị của nhà nước sử dụng, UBND xã quản lý và sử dụng) giảm 7.630,86 ha năm 2015 so với năm 2005.

Đất cộng đồng dân cư sinh sống trong diện tích chiếm tỷ lệ nhỏ và có sự biến động lên xuống trong giai đoạn 2005 - 2015, năm 2005 diện tích đất này

là 6,4 ha, năm 2010 tăng mạnh với diện tích là 1.314,26 ha, năm 2015 giảm xuống còn 50,29 ha.

Nhìn chung, hiện trạng phân bố nói trên là do việc thực hiện chính sách quy hoạch phát triển vùng, cùng với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Theo quy hoạch đến năm 2020, Bắc Giang có các khu chức năng sử dụng diện tích đất như sau: sản xuất nông nghiệp có 294.125 ha; khu lâm nghiệp 153.509 ha; khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học có 13.083 ha; khu phát triển công nghiệp 1.428ha; khu đô thị có 16.291 ha; khu thương mại - dịch vụ 2.472 ha; khu dân cư nông thôn có 79.058 ha (Nguyễn Thị Hải Yến, 2018).

Đặc biệt, sự phân bố nói trên do việc thực hiện chính sách đổi thửa năm 2016 toàn tỉnh đổi thửa tập trung quy mô trên 10 ha là 8.640,8 ha, dồn, đổi không tập trung là 377,13 ha (huyện Tân Yên 113,53 ha, Lạng Giang 263,6 ha). Bên cạnh đó, là xây dựng cánh đồng mẫu lớn tại các huyện Yên Dũng, Tân Yên, Việt Yên..., Trong giai đoạn 2014 - 2016 toàn



Nguồn: Cục Thông kê tỉnh Bắc Giang

**Biểu 1:** Giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011- 2016

tính xây dựng được 118 cánh đồng mẫu, với tổng diện tích 3.793 ha. Việc xây dựng các mô hình cánh đồng mẫu nhằm sản xuất sản phẩm hàng hóa theo tiêu chuẩn VietGAP cũng là nguyên nhân thay đổi loại hình sử dụng đất. Diện tích rau an toàn, rau chế biến tăng từ 3.065 ha năm 2013 lên 5.600 ha năm 2016, diện tích lúa chất lượng tăng từ 18.000 ha năm 2013 lên 28.000 ha năm 2016... (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Giang, 2016).

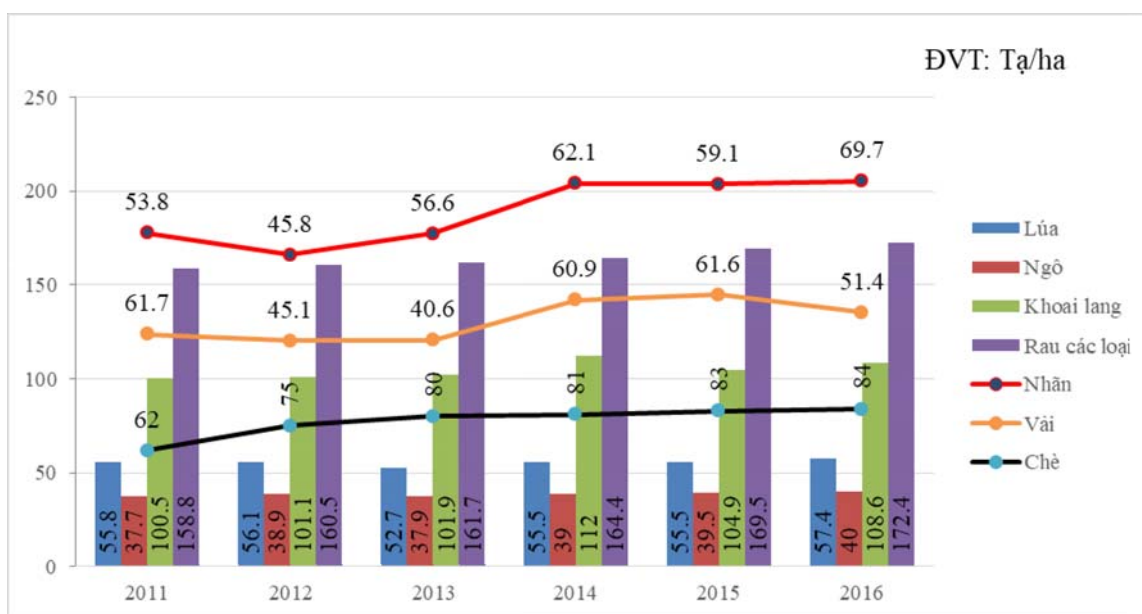
#### 4.2. Đánh giá hiện trạng phân bố đất nông nghiệp

Hiện trạng phân bố đất nông nghiệp Bắc Giang cho thấy đất nông nghiệp các vùng có xu hướng tăng, có sự chuyển dịch cơ cấu đất nông nghiệp theo loại hình sử dụng, hộ gia đình, cá nhân là đối tượng sử dụng diện tích đất nông nghiệp chủ yếu.

Với hiện trạng phân bố đất nông nghiệp như trên thì hiệu quả ra sao? Nghiên cứu sử dụng giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản tỉnh Bắc Giang và năng suất một số cây trồng chính giai đoạn 2011- 2016 để

Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản. Mặc dù, kết quả nghiên cứu cho thấy diện tích đất nông nghiệp có xu hướng tăng trong giai đoạn 2005 - 2015 (Bảng 3) song dường như giá trị sản xuất nông nghiệp tăng chậm, điều này cho thấy giá trị sản xuất nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng đất nông nghiệp. Bình quân giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,22%, năm 2011 đạt 13.632.629 triệu đồng, năm 2016 đạt 16.418.388 triệu đồng, năm 2016 so với năm 2011 tăng 2.785.759 triệu đồng (Biểu 1).

Bắc Giang là một tỉnh chuyên sản xuất nông nghiệp với một số sản phẩm nổi tiếng như: Vải thiều Lục Ngạn, lúa thơm Yên Dũng, rau cần Hiệp Hòa. Để thấy được hiệu quả phân bố tác giả nghiên cứu năng suất một số cây trồng chính trên địa bàn tỉnh. Trong đó đánh giá năng suất hai nhóm chính: Nhóm 1 là cây hàng năm: lúa, ngô, khoai lang và



Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang

**Biểu 2:** Năng suất một số cây trồng chính tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2016

đánh giá hiệu quả nói trên, giá trị thu được trên 1 ha đất trồng trọt và đất mặt nước nuôi trồng thủy sản.

rau các loại; nhóm 2 là cây lâu năm: chè, vải và nhãn (Biểu 2).

## Ý KIẾN TRAO ĐỔI

Đối với cây hàng năm năng suất lúa, ngô, khoai lang, rau các loại có xu hướng tăng nhẹ trong giai đoạn 2011- 2016. Bình quân cả giai đoạn năng suất lúa tăng 0,6%, năng suất ngô tăng 1,2%, năng suất khoai lang tăng 1,6%, năng suất rau các loại tăng 1,7%.

Đối với cây lâu năm: Năng suất cây chè tăng 6,3%, nhãn tăng 5,3% trong giai đoạn 2011- 2016. Tuy vậy là cây được nhiều nơi biết ở Bắc Giang thì năng suất lại có xu hướng giảm 3,6% trong cùng giai đoạn.

Giá trị thu được trên 1 ha đất trồng trọt giai đoạn 2014- 2016 có xu hướng tăng nhẹ bình quân tăng 3,91%. Năm 2016 đạt 92,1 triệu đồng/ha, năm 2014 đạt 85,3 triệu đồng/ha.

Đối với nuôi trồng thủy sản, giá trị thu được trên 1 ha đất mặt nước nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2014- 2016 có xu hướng giảm 1,71%. Năm 2014 giá trị thu thêm là 165 triệu đồng/ha, năm 2016 giá trị thu thêm là 159,4 triệu đồng/ha, năm 2016 giảm 5,6 triệu đồng (bảng 4).

Khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ra đời thì bên cạnh những thuận lợi mà Việt Nam nói chung và Bắc Giang nói riêng có được là: Nguồn đầu vào sản xuất với chi phí thấp; Mở rộng mạng lưới liên kết toàn cầu tạo điều kiện người nông dân có cơ hội tiếp cận chuỗi cung ứng nông sản thế giới; Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nhằm tăng năng suất nông sản và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Các khó khăn xảy ra là: Quy mô sản xuất của các hộ nhỏ, vốn đầu tư thấp dẫn tới việc ứng dụng công nghệ cao gặp nhiều khó khăn; Chuỗi cung ứng, chuỗi liên kết chưa bền vững dẫn tới khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Năng lực sản xuất nông nghiệp lớn nhưng năng suất lao động còn chưa cao, chủ yếu sử dụng lao động thủ công, trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật thấp; Khoa học công nghệ vừa thiếu, vừa lạc hậu. Mức độ đầu tư cho nông nghiệp thấp. Ngoài ra, một bộ phận gia đình sử dụng đất phi hiệu quả buộc phải chuyển quyền sử dụng đất cho những người sử dụng đất có hiệu quả dẫn đến tình trạng một bộ phận khó có khả

**Bảng 4:** Giá trị thu được trên 1ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	So sánh (%)		
				15/14	16/15	BQ
Giá trị thu thêm 1 ha đất trồng trọt	85,3	87,8	92,1	102,93	104,90	103,91
Giá trị thu thêm 1 ha đất mặt nước nuôi trồng thủy sản	165	154	159,4	93,33	103,51	98,29

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tóm lại, giá trị sản xuất ngành nông, lâm và thủy sản của Bắc Giang có xu hướng tăng nhẹ. Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn. Năng suất một số cây trồng chính có xu hướng tăng với tỷ lệ nhỏ. Năng suất vải, một cây trồng thế mạnh của vùng có xu hướng giảm. Giá trị thu thêm trên 1 ha đất trồng trọt tăng nhẹ, giá trị thu thêm trên 1 ha đất mặt nước nuôi trồng thủy sản giảm. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng đất mặc dù tăng nhưng chưa cao.

năng tiếp cận đất nông nghiệp. Tạo nên sự phân hóa giàu - nghèo giữa những người tiếp cận đất nông nghiệp và không tiếp cận đất nông nghiệp. Chính vì vậy, cần một số điều chỉnh phân bổ đất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

### 4.3. Các giải pháp phân bổ đất nông nghiệp

#### 4.3.1. Giải pháp đối với tỉnh Bắc Giang

Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn nhằm xây dựng vùng sản xuất tập trung.

Bên cạnh đó, quy hoạch xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất nông sản đặc thù trong từng vùng bằng cách bắt buộc những người sản xuất chỉ sản xuất một loại cây trồng phù hợp với điều kiện địa phương như: mở rộng vùng sản xuất lúa thơm Yên Dũng, rau cần Hiệp Hòa... Từ đó, hình thành nên các vùng sản xuất hàng hóa lớn đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Tạo hành lang pháp lý thuận lợi, khuyến khích các hộ gia đình, cũng như doanh nghiệp liên kết bền vững trong việc tiêu thụ sản phẩm đầu ra, hướng tới tiêu thụ nông sản ra thị trường quốc tế, tạo chuỗi cung ứng bền vững.

Khuyến khích cho vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

#### 4.3.2. Giải pháp đối với chủ thể sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Cần tận dụng chính sách của Chính phủ nhằm ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nhằm đi tắt đón đầu CMCN 4.0 tránh nguy cơ tụt hậu, không bắt kịp công nghệ mới và mất khả năng tiếp cận đất nông nghiệp. Ứng dụng máy móc phù hợp với quy mô đất nông nghiệp.

Tạo ra cách thức mới để phục vụ nhu cầu hiện tại, truy cập nền tảng kỹ thuật mới nhằm tăng năng suất và hiệu quả sản xuất, nghiên cứu, phát triển thị trường nông sản hàng hóa.

Hợp tác sản xuất với các hộ khác nhằm phát triển theo hướng quy mô sản xuất hàng hóa lớn, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Tạo mối liên kết bền vững với doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến về sản xuất, đầu tư kỹ thuật hiện đại ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất.

Tận dụng tiềm năng, thế mạnh sản xuất nông nghiệp của tỉnh cũng như Việt Nam.

## 5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy hiện trạng phân bố đất nông nghiệp theo vùng tại Bắc Giang có xu hướng biến động tăng trong giai đoạn 2005 - 2015. Diện tích đất nông nghiệp có sự biến động qua các năm. Mặc dù, tỷ lệ hộ nông nghiệp có xu hướng giảm xong về cơ bản số hộ này vẫn chiếm một tỷ lệ đáng kể trong tổng số hộ nông thôn. Sinh kế của các hộ chủ yếu phụ thuộc vào đất nông nghiệp. Nguyên nhân của hiện trạng nói trên là do chủ trương chính sách của Chính phủ, nhu cầu thị trường về nông sản do đó có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong nội bộ ngành nông nghiệp, do đặc bản đồ địa chính và sự xuất hiện của các giao dịch mua bán quyền sử dụng đất, cho thuê đất nông nghiệp... Cùng với quá trình đô thị hóa, phát triển khu công nghiệp. Hiệu quả sử dụng đất của hiện trạng phân bố trên có xu hướng tăng nhẹ. Đề nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tránh nguy cơ tụt hậu, bài viết đưa ra một số giải pháp đối với tỉnh và chủ thể sử dụng đất như: Tiếp tục thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; Quy hoạch xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất; Khuyến khích các hộ gia đình, doanh nghiệp liên kết bền vững trong việc tiêu thụ sản phẩm; Cho vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Các chủ thể sử dụng đất cần: Tận dụng chính sách trong ứng dụng công nghệ cao; Ứng dụng máy móc phù hợp với quy mô đất đai; Hợp tác sản xuất với các hộ khác phát triển sản xuất hàng hóa lớn; Tạo mối liên kết bền vững với doanh nghiệp trong tiêu thụ; Học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến; Tận dụng thế mạnh sản xuất nông nghiệp. ♦

#### Tài liệu tham khảo:

1. FAO (2003), *The design of land consolidation pilot projects in Central and Eastern Europe*, Rome.
2. Harriet Muger, Panagiotis Karfakis (2015), *Land Distribution and Economic Development: Small Scale Agriculture in Developing*.

3. Huaizhou SHI (2014), *Fairness and Resource Allocation in Device-to-Device Wireless Regional Area Network*, Geboren te Shanxi, China.

4. Julian Lamont and Christi Favor (2017), *Distributive justice*. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*, Center for the Study of Language and Information (CSLI), Stanford University. <https://plato.stanford.edu/cgi-bin/encyclopedia/archinfo.cgi?entry=justice-distributive>. The winter 2017 edition. Truy cập ngày 10 tháng 04 năm 2018

5. Lê Sỹ Hải (2017), *Vai trò và ý nghĩa sử dụng đất đai và khái niệm quy hoạch sử dụng đất đai*, Tài nguyên giáo dục mở Việt Nam, <https://voer.edu.vn/m/vai-tro-va-y-nghia-cua-su-dung-dat-dai-va-khai-niem-quy-hoach-su-dung-dat-dai/57f22a1b>, ngày đăng 18/07/2013, truy cập ngày 07/06/2017.

6. Lorenzo Cotula (2006), *Better land access for the rural poor*, Lessons from experience and challenges ahead. IIED, FAO

7. Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quang Hà và Mai Lan Phương (2018), *Phân bố đất nông nghiệp ở một số nước trên thế giới: bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 11 (486) số 11 năm 2018, trang 53- 60.

8. Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quang Hà và Mai Lan Phương (2018), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiếp cận đất nông nghiệp hộ gia đình tại Việt Nam*, Tạp chí Công Thương số 11 tháng 08 năm 2018, trang 128- 132.

9. Nguyen Thi Dung, Mai Lan Phuong (2019), *Influence of the fourth industrial revolution on agricultural land distribution in Viet Nam*, International Journal of Economics, Commerce and Management Vol.VII, Issue 1, January 2019.

11. Pamela Rodney (2007), *A study land distribution in Guyana: assessment of existing practices*, Guyana.

13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Giang (2016), *Sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số*

12-CT/TU của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ngày đăng 28/09/2016, truy cập ngày 08/08/2019

14. Ulle Endriss (2006), *Efficiency and Fairness in Distributed Resource Allocation*, <https://www.math.uni-hamburg.de/home/loewe/2006-07-I/Endriss.pdf>. Truy cập ngày 19 tháng 04 năm 2019.

### Summary

The paper uses the method of descriptive statistical revealing the current situation of agricultural land allotment in Bắc Giang Province by region, use, and subject in the period 2011-2016. Besides, the study assesses agricultural land use under the allotment. Finally, the paper makes suggestions to the province as well as the land users to adjust land allotment and improve agricultural land use such as continuing agricultural land re-planning and rice intensive farming; planning and building specialized regions; encouraging households and businesses to sustainably cooperate in product consumption; incentive lending to develop high-tech agricultural development. As for them, land users should make use of policies on high-tech application, use machine in accordance with the land size, cooperate with other households to develop large production, build strong relationships with businesses in consumption, learn from the experience of developed countries, and take their advantages in agricultural production.